

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Công văn số 484 /UBND ngày 17/9/2025 của UBND xã Sơn Kỳ)

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Họ và tên       | Thời gian bắt đầu làm việc ở vùng có ĐKKTXH ĐBKK | Thời điểm nơi công tác được quyết định không còn là vùng có điều kiện KTXH ĐBKK, chuyển vùng | Số tháng, năm được hưởng | Số năm được hưởng (tính tròn) | Hệ số lương và phụ cấp |             |                       |                                    | Tiền lương hiện hưởng 1 tháng | Tổng tiền trợ cấp | Ghi chú                                                                                                                                               |
|-------|-----------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                 |                                                  |                                                                                              |                          |                               | Tổng số                | Trong đó    |                       |                                    |                               |                   |                                                                                                                                                       |
|       |                 |                                                  |                                                                                              |                          |                               |                        | Hệ số lương | Hệ số phụ cấp chức vụ | Hệ số phụ cấp thâm niên vượt khung |                               |                   |                                                                                                                                                       |
|       | TỔNG CỘNG       |                                                  |                                                                                              |                          |                               |                        |             |                       |                                    | 391,611                       |                   |                                                                                                                                                       |
| 1     | Nguyễn Văn Quân | 4/1998                                           | 7/2025                                                                                       | 23 năm 2 tháng           | 23                            | 4,520                  | 4,32        | 0,2                   |                                    | 10,577                        | 121,63            | Tháng 1/2000 xã Sơn Kỳ công nhận xã đặc biệt khó khăn theo QĐ 1232/1999/QĐ-TTg; Sơn Kỳ có thời gian thoát từ tháng 1/2019 đến 6/2021 là 2 năm 4 tháng |
| 2     | Đinh Hồng Linh  | 01/2000                                          | 7/2025                                                                                       | 23 năm 2 tháng           | 23                            | 4,240                  | 3,99        | 0,25                  |                                    | 9,922                         | 114,10            |                                                                                                                                                       |
| 3     | Đinh Văn Nã     | 3/2008                                           | 7/2025                                                                                       | 15 năm                   | 15                            | 4,190                  | 3,99        | 0,20                  |                                    | 9,805                         | 73,53             | Sơn Ba có thời gian thoát từ tháng 1/2019 đến 6/2021 là 2 năm 4 tháng                                                                                 |
| 4     | Đinh Thị Thênh  | 5/2006                                           | 7/2025                                                                                       | 16 năm 10 tháng          | 17                            | 4,140                  | 3,99        | 0,15                  |                                    | 9,688                         | 82,34             |                                                                                                                                                       |

Ghi chú:

Các đối tượng có ngày tháng tuyển dụng, luân chuyển, chuyển chuyển trước năm 2025 đã được rà soát đảm bảo không trùng lặp tại danh sách đối tượng đã được thẩm định và phê duyệt tại nhu cầu và nguồn thực hiện CCTL năm 2024

**Chỗ ở hiện nay**

Xã Sơn Kỳ,  
tỉnh Quảng Ngãi

**PHỤ LỤC 02****Kinh phí thực hiện trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có KT-XH đặc biệt khó khăn năm 2025***(Kèm theo Công văn số 484 /UBND ngày 17/9/2025 của UBND xã Sơn Kỳ)*

| TT | Họ và tên           | Chức vụ, đơn vị công tác                   | Số tiền chuyển vùng/<br>trợ cấp lần đầu | Ngày tháng năm tuyển dụng, luân chuyển, thuyên<br>chuyển (Về hưu) |
|----|---------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>    |                                            | <b>585,000</b>                          |                                                                   |
| 1  | Nguyễn Hoàng Phong  | Phó Bí thư TT Đảng ủy xã Sơn Kỳ            | 23,400                                  | Quyết định số 38-QĐ/ĐU ngày 04/7/2025 của Đảng ủy xã Sơn Kỳ       |
| 2  | Đinh Thị Ái Nhân    | Chuyên viên Ban xây dựng Đảng, Đảng ủy xã  | 23,400                                  | Quyết định số 43-QĐ/ĐU ngày 16/7/2025 của Đảng ủy xã Sơn Kỳ       |
| 3  | Bùi Văn Năng        | Chánh Văn phòng Đảng ủy xã                 | 23,400                                  | Quyết định số 10-QĐ/ĐU ngày 01/7/2025 của Đảng ủy xã Sơn Kỳ       |
| 4  | Nguyễn Thị Thủy Nhã | Chuyên viên Văn phòng Đảng ủy xã           | 23,400                                  | Quyết định số 45-QĐ/ĐU ngày 16/7/2025 của Đảng ủy xã Sơn Kỳ       |
| 5  | Đinh Văn Chú        | Phó trưởng phòng văn hóa- xã hội           | 23,400                                  | Số 04/QĐ-UBND ngày 1/7/2025                                       |
| 6  | Nguyễn Lê Viên      | Chuyên viên phòng Văn hóa- xã hội          | 23,400                                  | Số 20/QĐ-UBND ngày 1/7/2025                                       |
| 7  | Trần Hữu Đức        | Chuyên viên phòng Văn hóa- xã hội          | 23,400                                  | Số 22/QĐ-UBND ngày 1/7/2025                                       |
| 8  | Trần Đình Hùng      | Chuyên viên HĐND xã                        | 23,400                                  | Số 66/QĐ-UBND ngày 18/7/2025                                      |
| 9  | Đinh Văn Trua       | Chuyên viên phòng kinh tế                  | 23,400                                  | Số 23/QĐ-UBND ngày 1/7/2025                                       |
| 10 | Đào Vi Hùng         | Giám đốc Trung tâm Cung ứng DVC            | 23,400                                  | 7/1/2025                                                          |
| 11 | Trương Thị Minh Đạo | Chuyên viên Trung tâm Cung ứng DVC         | 23,400                                  | 7/1/2025                                                          |
| 12 | Nguyễn Xuân Vinh    | CBKT Trung tâm Cung ứng DVC                | 23,400                                  | 7/1/2025                                                          |
| 13 | Đinh Thị Đoàn       | Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Sơn Kỳ    | 23,400                                  | 01/07/2025                                                        |
| 14 | Nguyễn Danh Hoàng   | Chuyên viên Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Sơn Kỳ | 23,400                                  | 01/07/2025                                                        |
| 15 | Đinh Văn Dương      | Chuyên viên Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Sơn Kỳ | 23,400                                  | 01/07/2025                                                        |
| 16 | Thới Thành Trung    | Giáo viên trường TH Sơn Kỳ                 | 23,400                                  | 1/3/2025                                                          |
| 17 | Đinh Y Quyết        | Giáo viên trường TH Sơn Kỳ                 | 23,400                                  | 1/3/2025                                                          |
| 18 | Cao Thị Tường VY    | Giáo viên trường TH Sơn Kỳ                 | 23,400                                  | 3/18/2025                                                         |
| 19 | Đinh Thị Thoa       | Giáo viên trường MN Sơn Kỳ                 | 23,400                                  | 1/3/2025                                                          |

|    |                     |                                   |        |           |
|----|---------------------|-----------------------------------|--------|-----------|
| 20 | Phạm Thị Thu Quyền  | Giáo viên                         | 23,400 | 1/3/2025  |
| 21 | Nguyễn Thị Tú Anh   | Giáo viên trường PTDTBT TH Sơn Ba | 23,400 | 18/3/2025 |
| 22 | Tạ Thị Tuyết Thương | Giáo viên trường PTDTBT TH Sơn Ba | 23,400 | 18/3/2025 |
| 23 | Đinh Văn Điền       | Giáo viên trường PTDTBT TH Sơn Ba | 23,400 | 18/3/2025 |
| 24 | Nguyễn Thị Nữ Khoa  | Giáo viên trường PTDTBT TH Sơn Ba | 23,400 | 18/3/2025 |
| 25 | Đinh Minh Giải      | Giáo viên trường PTDTBT TH Sơn Ba | 23,400 | 18/3/2025 |

Ghi chú:

Các đối tượng có ngày tháng tuyển dụng, luân chuyển, chuyển chuyển trước năm 2025 đã được rà soát đảm bảo không trùng lặp tại danh sách đối tượng đã được thẩm thực hiện CCTL năm 2024

DVT: triệu đồng

| Ghi chú        |
|----------------|
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
|                |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |

|                |
|----------------|
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |
| Tuyển dụng mới |

*1 định và phê duyệt tại nhu cầu và nguồn*